

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 6 - 2021

“Về việc tranh chấp ly hôn
và quyền nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Kim Diễm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị S, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Thạch N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày: Nguyên vào năm 2015, sau một thời gian quen biết, qua lại và tìm hiểu nhau thì anh, chị đồng ý cùng nhau tiến tới hôn nhân. Ngày 10/8/2016 được sự đồng ý của gia đình hai bên cho anh, chị tổ chức đám cưới đến ngày 29/5/2020 thì mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi cưới vợ chồng anh, chị về sống chung nhà cha, mẹ chồng tại ấp T, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến khoảng cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh N không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường hay nhậu say

về có hành vi gây bạo lực gia đình đối với chị, đánh đập chị gây thương tích, chị đã cố gắng nhẫn nhịn, khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi đến tháng 12 năm 2020 thì chị về nhà cha mẹ ruột chị sống cho đến nay.

Nay nhận thấy chị và anh N không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân được vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch N.

Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung: tên Thạch Thị Y, sinh ngày 30/5/2017, chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với anh Thạch N: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải cho anh Thạch N để đến giải quyết việc chị Thạch Thị S yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do. Như thế, anh N không muốn tạo điều kiện hàn gắn với chị S và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời anh N cũng không đến Tòa án làm việc để Tòa án ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh N đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Thạch Thị S đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn: Anh Thạch N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn chị Thạch Thị S có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thạch Thị S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện huyện Trà Cú đã tổng đạt các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 10/6/2021 anh Thạch N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 28/6/2021 Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Thạch N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Thạch N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị S và anh Thạch N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị S: Chị S xác định, trong đời sống hôn nhân anh N thiếu sự quan tâm, thường xuyên rượu chè, bạo lực gia đình, dù chị S đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu anh N có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S nhưng anh N không đến tòa để trình bày quan điểm của mình từ đó cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Thạch Thị Y, sinh ngày 30/5/2017 chị S yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Thạch Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình do thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị S, cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Thạch N.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Y, sinh ngày 30/5/2017 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thạch Thị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị S xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Thanh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

